TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2026
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Bảo Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
  2. Ông Lê Trung Nam

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2025 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1960; cư trú tại: số 80 Lê Quý Đ , phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1965; cư trú tại: số 80 Lê Quý Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Thế H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 058, quyển số ngày 12/8/2008. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ông bà đã ly hôn theo Quyết định giải quyết công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con số 78/2013/QĐ-GQVHN ngày 19/9/2013 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Toà án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 2016, ông H và bà T quay tiếp tục sống chung và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 30/5/2016. Khi tái hôn, giữa ông Hvà bà T vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2024, ông bà không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H.

Về con chung: Bà T và ông Hcó 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 27/01/2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giao con chung Nguyễn Trần Gia B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thế H:*

Theo kết quả xác minh tại Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Thế Hcó địa chỉ cư trú tại số 80 Lê Quý Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến làm việc, hòa giải nhưng ông Hvắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa đồng thời ông Hcũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H, giao con chung Nguyễn Trần Gia B sinh ngày 27/01/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) ông Hkhông cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc nguyên đơn được miễn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:*

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] *Về việc vắng mặt các đương sự:*

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy

định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Thế H đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 30/05/2016, nên quan hệ hôn nhân của ông bà được xác định là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà T, ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà T thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, giữa các bên không có sự tôn trọng, cảm thông và chia sẻ với nhau. Từ những mâu thuẫn này nên từ năm 2024 bà T, ông H đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù đây chỉ là lời khai từ phía bà T, tuy nhiên đối với ông H đã nhiều lần được Tòa án triệu tập đến làm việc với mục đích hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, quay về chung sống cùng nhau nhưng ông H vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa các bên là có thật và ông H không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà T.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Bà T và ông H có một con chung tên là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 27/01/2009. Từ khi ly thân thì cháu B được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T hiện có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đồng thời cháu Bảo cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để bảo đảm sự phát triển tốt nhất của con chung, cần giao cháu Bảo cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng bà T không yêu cầu nên ông Hkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Minh T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh T đối ông Nguyễn Thế H về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Thế H có một con chung tên cháu là Nguyễn Trần Gia B sinh ngày 27/01/2009.

Khi ly hôn, buộc ông Nguyễn Thế Hgiao cháu Nguyễn Trần Gia B cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trường thành (đủ 18 tuổi). Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T được miễn nộp toàn bộ án phí với số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Bảo Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12-Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 12- Tp Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh, KH số 25, ngày 30/05/2016;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án